

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt chương trình đào tạo ngành Việt nam học trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học, cao đẳng định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức (theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHD ngày 09/8/2017 và Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHD ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức);

Căn cứ Văn bản đề nghị của khoa Khoa học Xã hội về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ngành DH Việt nam học; Biên bản họp Hội đồng Thẩm định CTĐT ngành DH Việt nam học, Biên bản thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Phê duyệt chương trình đào tạo ngành Việt nam học, trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021 (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng bộ môn quản lý học phần có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa học Xã hội, các bộ môn liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
HỒNG ĐỨC  
Lê Hoàng Bá Huyền

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Việt Nam học

Trình độ: Đại học, mã số 7310630

(Ban hành theo Quyết định số 1706/QĐ-ĐHHD ngày 01 tháng 9 năm 2021)

### I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học hiện nay được xây dựng trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm từ chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (định hướng Hướng dẫn du lịch) của khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức. Để đáp ứng nhu cầu của xã hội, chương trình đào tạo ngành Việt Nam học đã tiếp tục tham khảo chương trình đào tạo ngành Việt Nam học của khoa Việt Nam học thuộc Đại học Quốc Gia Hà Nội và Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Đà Lạt.

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy gồm 11 người, trong đó có 01 phó giáo sư, 4 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh và 2 thạc sĩ. Các giảng viên đều là những người có năng lực chuyên môn tốt, có sự tín nhiệm cao của sinh viên trong các đợt lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên. Ngoài thực tế chuyên môn về lịch sử, văn hóa, thực tập giáo trình đối với môn cơ sở ngành, nhiều học phần được bố trí thời lượng thời gian phù hợp để sinh viên tham gia kiến tập, thực tập, trải nghiệm và khảo sát thực tế tại các khu, điểm du lịch, các sở ban ngành hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Trong chương trình đào tạo, 20% số tín chỉ cho các môn học tự chọn, tất cả các học phần đều có đầy đủ tài liệu học tập cho sinh viên. Thư viện được đầu tư mua sắm đầy đủ tài liệu, giáo trình; mạng Internet hoạt động thông suốt, phục vụ có hiệu quả cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường.

#### 2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Việt Nam học
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Vietnamese study
Mã ngành đào tạo:	7310630
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Việt Nam học
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	124
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm

Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: 124 tín chỉ;</li> <li>- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;</li> <li>- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất;</li> <li>- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 khung năng lực 6 bậc của Việt Nam);</li> <li>- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin (IC3 hoặc tương đương).</li> </ul>
Vị trí việc làm:	<p><i>Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Đại học Việt Nam học có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuyên viên quản lý nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên tại Bộ Văn hoá thể thao và Du lịch; Tổng cục du lịch và các vụ chức năng;</li> <li>- Chuyên viên tại các Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch.</li> <li>- Chuyên viên tại các phòng Văn hoá Thông tin huyện;</li> <li>- Chuyên viên văn hoá tại các xã, phường.</li> </ul> </li> <li>2. Giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đào tạo có môn học liên quan đến Việt Nam học; <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên giảng dạy môn Việt Nam học tại một số trường phổ thông.</li> <li>- Giảng viên, trợ giảng, tư vấn tại các trường đại học, cao đẳng văn hóa - du lịch.</li> </ul> </li> <li>3. Nhân viên tại các tổ chức, điểm đến du lịch <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết minh viên, cán bộ quản lý tại các di sản, điểm đến du lịch.</li> <li>- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên điều hành, quản lý tại các doanh nghiệp lữ hành;</li> </ul> </li> <li>4. Nhân viên tại các tổ chức liên quan đến văn hóa - xã hội: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu viên tại các cơ quan, tổ chức về văn hóa, du lịch như Viện Văn hóa, Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch.</li> <li>- Nhân viên tại các tổ chức phi chính phủ về văn hoá trong và ngoài nước</li> <li>- Nhân viên tại các đại sứ quán.</li> </ul> </li> </ol>

	- Tiếp viên hàng không 5. Biên tập viên tại các tòa báo;
Học tập nâng cao trình độ:	Người học sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước các ngành và chuyên ngành gần.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Việt Nam học tại Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc Gia Hà Nội). - Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc Gia Tp.HCM) - Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học, trường đại học sư phạm Hà Nội - Đại học Quốc tế Nghiên cứu Bắc Kinh (ngành Đông Nam Á học). - Đại học Ngoại thương Tokyo (ngành Đông Nam Á học).
Thời gian cập nhật bản mô tả:	9/2021

### 3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

#### 3.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Việt Nam học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về văn học, lịch sử, địa lý và có kiến thức sâu, rộng về văn hóa, xã hội Việt Nam; thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp để đảm nhận việc quản lý, tổ chức thực hiện các công việc; có khả năng sáng tạo, giải quyết được những vấn đề liên quan đến lĩnh vực văn hóa- du lịch, biên tập, giảng dạy tiếng Việt, Việt Nam học; có trách nhiệm với nghề nghiệp, môi trường và xã hội; thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa, có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển kinh tế xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế.

#### 3.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo đại học ngành Việt Nam học có mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo:

**PO1.** Người học được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

**PO2.** Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội.

**PO3.** Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT).

**PO4.** Có được hệ thống kiến thức cơ bản về địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam; tâm lý học; ngôn ngữ; môi trường và con người; vận dụng được kiến thức liên ngành vào học tập và phục vụ công tác chuyên môn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường và bản sắc văn hóa Việt Nam.

**PO5.** Người học nắm vững kiến thức về thể chế chính trị, các quy định của nhà nước về văn hóa, du lịch; nghiệp vụ du lịch và các loại hình sự kiện văn hóa – du lịch.

**PO6.** Có khả năng làm việc và nghiên cứu độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo (giảng dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, biên tập, hướng dẫn du lịch); khả năng học tập ở trình độ cao, khả năng tự học, trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời;

**PO7.** Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học, kỹ năng quản lý để có thể thực hành và phát triển nghề nghiệp;

**PO8.** Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

#### **4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

**PLO1:** Sinh viên phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp.

**PLO2:** Sinh viên đạt được năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam. Sinh viên nắm vững kiến thức về các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành Việt Nam học để có thể vận dụng vào công việc cụ thể thuộc chuyên ngành đào tạo.

**PLO3:** Sinh viên trình bày được khái niệm về thông tin, các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) phục vụ công tác chuyên môn.

**PLO4:** Sinh viên trình bày được thực trạng phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam; các thành tố văn hóa, không gian và thời gian văn hóa; tâm lý học; ngôn ngữ; môi trường và con người; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự

phát triển kinh tế- xã hội; Vận dụng vào việc giải quyết những vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

**PLO5:** Sinh viên nắm vững và trình bày được các kiến thức nền tảng về văn hóa, lịch sử, xã hội. Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế công việc thuộc lĩnh vực biên tập, giảng dạy, hướng dẫn, thuyết minh du lịch.

PI5.1: Hiểu và trình bày được các vấn đề về phong tục tập quán, ẩm thực, tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội ở Việt Nam. Vận dụng vào các công việc thuyết minh, thuyết trình và giảng dạy Việt Nam học.

PI5.2: Hiểu, phân tích được các nền văn hóa vùng Đông Nam Á và thế giới. Vận dụng vào các công việc thuyết minh, thuyết trình tại trong hoạt động văn hóa - du lịch.

**PLO6:** Sinh viên nắm vững và trình bày được các kiến thức về các dân tộc ở Việt Nam, ngôn ngữ các dân tộc, phương ngữ theo vùng miền và các vùng địa lý. Vận dụng kiến thức đã học để làm việc hiệu quả và linh hoạt trong nhiều môi trường văn hóa khác nhau.

PI6.1: Hiểu và nắm vững đặc trưng văn hóa của các dân tộc ở Việt Nam từ đó vận dụng vào công việc biên tập, giảng dạy Việt Nam học.

PI6.2: Hiểu được phương ngữ theo vùng miền để vận dụng linh hoạt trong hoạt động hướng dẫn du lịch, thuyết minh du lịch.

**PLO7:** Sinh viên nắm vững được thể chế chính trị và các qui định của nhà nước về văn hóa, du lịch. Vận dụng được quy định của nhà nước về văn hóa - du lịch để thực hiện công việc theo đúng pháp luật.

**PLO8:** Sinh viên nắm vững được các kiến thức về ngôn ngữ, Hán Nôm, Tiếng Việt, văn học Việt Nam. Vận dụng những kiến thức đó vào giải quyết những lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành.

PI8.1: Giảng dạy được các chuyên đề về Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam.

PI8.2: Thực hiện được các nghiên cứu độc lập về ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam.

PI8.3: Soạn thảo được văn bản và biên tập được các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

**PLO9:** Sinh viên nắm vững các quy tắc ứng xử trong giao tiếp nơi công sở, thuyết minh, thuyết trình hiệu quả trong hoạt động văn hóa- du lịch. Vận dụng để giao tiếp và xử lý hiệu quả các tình huống trong công việc.

PI9.1. Viết được các văn bản như email, báo cáo, chương trình, hợp đồng đúng quy định, có cấu trúc hợp lý và đáp ứng yêu cầu của đối tượng giao tiếp.

PI9.2. Thuyết trình hiệu quả, lập luận tốt, sử dụng công cụ hỗ trợ âm thanh/hình ảnh, ngôn ngữ logic rõ ràng, tác phong đĩnh đạc và thu hút sự tham gia của người nghe.

PI9.3. Giao tiếp và tương tác khách hàng, đồng nghiệp tự tin, hiệu quả.

**PL10:** Sinh viên nắm vững kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn, cách thức thiết kế và điều hành tour du lịch. Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ để thực hiện quy trình phục vụ khách du lịch một cách hiệu quả.

PI10.1: Thực hiện được các hoạt động tổ chức hướng dẫn, thuyết minh cho khách du lịch;

PI10.2: Thiết kế và điều hành được các tour du lịch trong và ngoài nước;

**PLO11:** Sinh viên nắm vững kiến thức về các loại hình sự kiện văn hóa – du lịch, quảng cáo truyền thông, ẩm thực truyền thống của Việt Nam. Vận dụng kiến thức đã học tổ chức được các sự kiện văn hóa – du lịch, chế biến được một số món ăn phục vụ khách du lịch.

PI11.1: Tổ chức được các sự kiện văn hóa - du lịch thông qua làm việc nhóm;

PI11.2: Chế biến được một số món ăn truyền thống phục vụ khách du lịch.

**PLO12:** Sinh viên nắm vững kiến thức về nghiệp vụ biên tập, xuất bản, báo chí truyền thông. Vận dụng kiến thức đã học để biên tập, biên soạn báo chí trong các tòa soạn.

**PLO13:** Sinh viên nắm vững các quy định về đạo đức nghề nghiệp và các quy tắc ứng xử văn minh trong công việc tại công sở; vận dụng kiến thức và kỹ năng một cách linh hoạt và sáng tạo để có tự giảng dạy, tự biên tập và tham gia quản lý các di sản văn hóa.

### 5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), TCCN, CĐ, ĐH.

- Phương thức tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (được cụ thể hóa trong đề án tuyển sinh hàng năm).

- Về tổ hợp xét tuyển gồm:

+ Văn – Sử - Địa;

+ Văn – Sử - GDCD;

+ Văn – Địa - GDCD

+ Văn – GDCD- Tiếng Anh;

### 6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
PO1	3												2
PO2		2						2					
PO3			2						2				
PO4				2	2	2							
PO5							3			2	2	2	3
PO6								3					3
PO7									2				
PO8													3

Ghi chú: Số cột tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của mỗi nhóm; số dòng tùy thuộc vào mục tiêu, ghi mức độ đạt được tương ứng giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra, trong đó:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.

- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Thao tác/Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Liên kết/Thành thạo; 5-Tự nhiên hóa/Bản năng.

- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hồi đáp; 3-Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

## **7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá**

### **7.1. Phương pháp dạy - học**

#### **7.1.1. Chuẩn bị của giảng viên**

Đào tạo cử nhân Việt Nam học yêu cầu mỗi người giảng viên cần trang bị cho mình những kinh nghiệm giảng dạy phù hợp, tạo hứng thú, truyền được cảm hứng cho người học. Các bài giảng cần lồng ghép tích hợp cả giảng dạy lý thuyết, đào tạo kỹ năng thực hành và những kỹ năng mềm cần thiết áp dụng cho các nội dung bài học. Muốn thực hiện tốt việc này đòi hỏi người giảng viên cần chuẩn bị tốt cả kiến thức, giáo cụ, phương tiện hỗ trợ; hiểu rõ bối cảnh giảng dạy và nội dung mỗi buổi dạy (phòng học lý thuyết, phòng thực hành, tại thực địa, hay đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp). Quá trình chuẩn bị của giảng viên bao gồm:

1) Chuẩn bị đề cương chi tiết học phần, học liệu để sinh viên có thể nắm bắt nội dung được truyền giảng và những phần việc cần chuẩn bị. Giảng viên lưu ý lựa chọn giáo trình phù hợp, cập nhật, có nội dung đáp ứng được chuẩn yêu cầu đầu ra và không có nội dung vi phạm bản quyền và vi phạm chủ quyền đất nước;

2) Nắm rõ kiểu dạng lớp học để có phương pháp tiếp cận lớp học một cách phù hợp: lớp học lý thuyết, lớp học thực hành, giờ thảo luận, sermina... Mỗi kiểu dạng lớp học tương ứng với phương pháp giảng dạy, cách thức giảng dạy khác nhau: bài dạy lý thuyết, bài dạy thực hành, bài dạy tích hợp;

3) Đối với bài giảng lý thuyết, ngoài sử dụng giáo trình, micro, giảng viên cần chuẩn bị để sử dụng thành thạo máy chiếu, flip chart và các dụng cụ hỗ trợ khác. Đối với những bài dạy thực hành và bài dạy tích hợp, giảng viên cần chuẩn bị đạo cụ, dụng cụ thực hành phù hợp để buổi học đạt được hiệu quả cao nhất (bộ đàm, Micro không dây, dụng cụ học Team Building, dụng cụ học buổi phòng và pha chế...)

4) Nắm vững chuẩn đầu ra; hiểu rõ quy chế đào tạo, cách thức đánh giá, phương pháp và chính sách đào tạo theo học chế tín chỉ để đảm bảo sinh viên có thể tiếp cận phương pháp học tập đại học nhanh nhất, đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong đánh giá người học;

5) Xây dựng, phát triển và duy trì các mối quan hệ giữa giảng viên với cán bộ hành chính, giữa giảng viên và doanh nghiệp, giữa giảng viên và các bộ phận hỗ trợ trong nhà trường để liên hệ khi cần thiết nhanh nhất có thể.

#### **7.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học**

Việc kết nối người học với quá trình học theo phương châm “lấy người học làm trung tâm” và “phát huy năng lực của người học” sẽ giúp người học cải thiện khả năng tập trung, thúc đẩy họ luyện tập những kỹ năng tư duy bậc cao và đem lại nhiều trải



nghiệm có ý nghĩa. Khi kết hợp nhiều chiến lược học khác nhau vào trong một bài giảng, giảng viên cần xem xét kỹ các cách để đặt ra được những mục tiêu rõ ràng, thiết kế những chiến lược nhằm đánh giá một cách có hiệu quả và cung cấp các cơ chế giúp người học đưa ra phản hồi để từ đó tiếp tục cải thiện chương trình đào tạo.

### **- Phương pháp 1: Học tập chủ động**

Việc học tập chủ động yêu cầu người học thực sự tham gia vào lớp học thay vì chỉ ngồi trật tự nghe giảng. Các chiến lược thường bao gồm: các phần hỏi và trả lời ngắn, những cuộc thảo luận được lồng ghép vào trong bài giảng, các bài tập không yêu cầu sự chuẩn bị trước, các hoạt động động thực hành và các buổi học mang tính trải nghiệm.

### **- Phương pháp 2: Thảo luận**

Để một cuộc thảo luận thành công thì việc chuẩn bị trước giúp người dạy vạch ra một mục tiêu rõ ràng cho cuộc thảo luận và xác định được phương pháp đánh giá rõ ràng. Điều này giúp lớp học có thể giải quyết các vấn đề thông qua bối cảnh, từ đó gia tăng sự tò mò và sự chú tâm của người học với nội dung bài giảng.

### **- Phương pháp 3: Dạy học theo nhóm (Teaching and learning in groups)**

Là phương pháp dạy học được áp dụng khá phổ biến nhằm hướng dẫn cho SV phát triển các kỹ năng trong việc phát triển một giả thuyết, giải quyết vấn đề thông qua hoạt động làm việc nhóm. Phương pháp này được áp dụng thường xuyên và có tính đặc thù, phù hợp với tình hình học tập, thực hiện giảng dạy kỹ năng trong bối cảnh nhóm nhỏ đối với các môn nghiệp vụ.

Trong 1 buổi thực hành giáo viên bảo đảm luân phiên vị trí công việc giữa các nhóm nhỏ để bảo đảm tất cả các em sinh viên đều có cơ hội trải nghiệm. Mỗi nhóm có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể, thời gian thực hiện và danh mục các trang thiết bị cần thiết. Sau khi tổ chức thực hiện hoạt động giảng dạy theo nhóm, mỗi nhóm trao đổi đánh giá nhận xét lẫn nhau và được luân phiên đổi nhiệm vụ trong những bài học tiếp theo. Việc dạy và học theo nhóm giúp người học hoàn thiện năng lực và tăng cường làm việc nhóm, nâng cao tính phối hợp và trách nhiệm trong công việc.

### **- Phương pháp 4: Dạy và học tích hợp (Integrated Teaching and Learning)**

Dạy học tích hợp nhằm hướng đến hình thành và phát triển năng lực thực hiện công việc cụ thể của nghề nghiệp đối với người học. Tích hợp nội dung giảng dạy với hình thức dạy lý thuyết, dạy mẫu và hướng dẫn thực hành được tích hợp vào quá trình giảng dạy. Tích hợp trong việc bố trí lớp học phù hợp, thuận tiện sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ và nguyên liệu để tổ chức hoạt động dạy và học. Tích hợp một số phương pháp dạy học quá trình dạy học: giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, đóng vai và phương pháp 4 bước, portfolio, ...

### **- Phương pháp 5: Dạy và học qua thực tiễn công việc (Work placement/ Experience Learning/ Learning by doing)**

Việc tổ chức hoạt động dạy và học qua thực tế công việc là điều kiện tốt cho giáo

viên và người học có được những kinh nghiệm thực tiễn để hình thành năng lực. Một số hoạt động dạy và học trong môi trường thực tế như sinh viên pha chế và phục vụ khách tại khách sạn Mường Thanh, Phượng Hoàng; công ty du lịch Tường Anh, TTH; nhà hàng Dạ Lan, trung tâm tổ chức sự kiện FLC...; tòa soạn báo Thanh Hóa, Đài phát thanh truyền hình Thanh Hóa; các khu di tích lịch sử, bảo tàng của Thanh Hóa.

Tất cả các hoạt động nêu trên đều có sự giám sát, hướng dẫn của giáo viên và nhân viên phục vụ nhằm giúp các em sinh viên tự tin và hoàn thiện dần về kỹ năng và thái độ trong công việc. Sau mỗi buổi học trong môi trường thực tế, giáo viên thường tập hợp sinh viên lại, mỗi em tự nhận xét về bản thân mình sau buổi học đó: đã làm được những gì, chưa làm tốt ở điểm nào đó. Sau cùng, giáo viên đưa nhận xét, nêu 1 số điểm mạnh và điểm yếu của các sinh viên, khen ngợi các sinh viên tích cực, tự giác đồng thời nhắc nhở 1 số em để cả nhóm cùng phát huy và khắc phục cho những buổi tiếp theo.

Trọng tâm của việc dạy và học qua thực tiễn công việc được đặt vào quá trình học tập chứ không phải là sản phẩm của việc học. Một hoạt động học tập qua thực tiễn công việc phải bao gồm:

- Khảo sát, trải nghiệm thực hiện một công việc (Exploration / Experiencing – Doing an activity)

- Chia sẻ những kinh nghiệm đã trải qua khi thực hiện công việc (Sharing the experience happened);

- Thực hiện một số hoạt động công việc (Processing - Performing the actions / activity);

- Khái quát, liên hệ và trình bày cụ thể những kết quả từ hoạt động thực tiễn

- Ứng dụng những kinh nghiệm, kết quả qua thực tế công việc

Để thực hiện có hiệu quả trong việc tổ chức hoạt động dạy và học thực tiễn qua công việc, sau đây là một số điểm chính cần lưu ý:

- Xây dựng kế hoạch với các mục tiêu rõ ràng để xác định người học đạt được những kinh nghiệm sau khi hoàn thành công việc. Kế hoạch phải cụ thể, chi tiết cho từng nhóm, từng vị trí công việc theo thời gian, địa điểm và các điều kiện cần thiết để thực hiện công việc.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết và công cụ đánh giá và kiểm tra đảm bảo điều kiện sẵn sàng trước khi tổ chức thực hiện công việc.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện, hướng dẫn người học phát hiện và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.

- Đánh giá, trao đổi, thảo luận những kết quả đạt được và đặc biệt chú trọng đến những bài học kinh nghiệm để ứng dụng vào thực tiễn công việc. Đồng thời, cũng có và mở rộng vấn đề của nội dung học tập.

Phương pháp dạy và học qua thực tiễn tạo điều kiện cho SV được khám phá, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tham gia vào quá trình phục vụ như những nhân viên thực thụ làm việc tại khách sạn, nhà hàng, hạn chế sự thụ động. Đồng thời, phương

pháp này còn giúp phát triển kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và giải quyết tình huống. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có những hạn chế như: tổ chức hoạt động nhóm nhỏ, công tác chuẩn bị cho tổ chức hoạt động nhóm mất nhiều thời gian, việc xử lý các tình huống phát sinh cũng đòi hỏi người hướng dẫn phải thật sự tập trung cao độ.

### **7.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

- **Tự đánh giá quá trình giảng dạy:** Việc thực hiện tự đánh giá là rất quan trọng đối với mỗi người giảng viên. Việc liên tục dẫn giải, chú thích các bài tập, bài kiểm tra và kế hoạch lên lớp là chiến lược tuy đơn giản nhưng phù hợp trong việc theo dõi sự giảng dạy. Điều này giúp người dạy theo dõi xem nên giữ hay bỏ điều gì khi lên lớp. Những bản tóm tắt vào cuối mỗi kì học cũng giúp người dạy nhìn nhận lại những gì mình đã làm và là những thứ quan trọng cho sự phát triển của những lớp học mới với những phiên bản cải thiện của các lớp học trước đó.

- **Dự giờ, thao giảng:** Dự giờ và thao giảng là trách nhiệm của mỗi giảng viên nhằm tranh thủ sự đóng góp, góp ý của đồng nghiệp và những người có chuyên môn nhằm xây dựng những giờ học chất lượng, đáp ứng được những mục tiêu đề ra của chương trình đào tạo.

- **Thu thập phản hồi từ người học:** Việc thu thập thông tin từ người học thông qua trải nghiệm của họ trong lớp học là một cách vô cùng có giá trị để đánh giá việc giảng dạy của giảng viên. Hiện nay khoa KHXH đang áp dụng phương pháp phát phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học. Tuy nhiên, để kết quả được khách quan, trung thực, có thể áp dụng nhiều cách để làm khảo sát này: khảo sát trực tuyến và thực tế, email góp ý, đối thoại mở với sinh viên.

- **Hợp tác với đồng nghiệp:** Người dạy có thể tìm hiểu cách đánh giá của đồng nghiệp để có được cái nhìn đa chiều trong việc dạy, học và đánh giá người học; bên cạnh đó là những đánh giá khách quan của các doanh nghiệp để nắm bắt được một cách chính xác nhất chất lượng đào tạo và nhu cầu của doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực.

## **7.2. Các phương thức đánh giá**

### **7.2.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%**

Có 2 hình thức kiểm tra - đánh giá thường xuyên:

#### **Hình thức 1: Bài kiểm tra cá nhân**

Trong quá trình học, SV sẽ phải làm các bài kiểm tra cá nhân để đánh giá tiến trình tham gia học tập.

- Các bài kiểm tra cá nhân có thể làm ở lớp hoặc làm ở nhà tùy theo nội dung câu hỏi mà giảng viên đề ra.

- Loại bài tập này dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này bao gồm:

- **Nội dung:**

- Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý

- Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu
- Có bằng chứng về việc sử dụng các học liệu của môn học

- **Hình thức:**

- Cấu trúc bài viết logic, hệ thống.
- Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, có độ dài theo qui định của giảng viên (Từ 1 đến 3 trang A4).

### **Hình thức 2: Bài tập nhóm/tháng**

Loại bài tập này chủ yếu dùng để đánh giá khả năng nắm bắt và vận dụng lý thuyết vào thực tiễn. Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này bao gồm:

- **Nội dung:**

- Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lí.
- Thể hiện khả năng nắm vững lý thuyết và kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn
- Có bằng chứng về việc tham khảo thực tế các nghề du lịch và thể hiện kết quả làm việc của tất cả các thành viên trong nhóm

- **Hình thức:**

- Theo quy định của giảng viên đối với từng bài tập
- Phù hợp với thực tế nghề nghiệp
- Đối với những bài viết phải có ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, có độ dài theo qui định của giảng viên (Từ 1 đến 3 trang A4).

- **Thời gian:** Nộp đúng hạn được ghi trong Đề cương môn học. Các nhóm nộp cho giảng viên vào đầu buổi học. Các bài tập này cũng có thể nộp qua email của giảng viên trước 1 ngày theo những quy định của giảng viên.

Kết quả của sinh viên do giảng viên đánh giá trên cơ sở kết quả bài tập nhóm và mức độ đóng góp của từng thành viên trong nhóm.

Tổng số điểm bài tập cá nhân và bài tập nhóm chiếm 30% tổng số điểm của học phần; trong đó bài cá nhân chiếm 20%, bài tập nhóm chiếm 10%. Tùy tình hình thực tế quá trình thực hành thực tế môn học giáo viên sẽ chấm điểm cho phù hợp.

#### **7.2.2. Bài thi giữa kỳ: trọng số 20%**

Bài thi này dùng để kiểm tra một phần quá trình học tập của sinh viên.

- **Nội dung:** Có thể là một vấn đề lý thuyết trọn vẹn hoặc một bài tập
- **Hình thức:** Thi viết 50 phút, không sử dụng tài liệu hoặc vấn đáp 10 phút hoặc thực hành 1 thao tác kỹ năng nghề nghiệp đã học
- **Thời gian:** Theo lịch đã trình bày ở đề cương chi tiết
- **Địa điểm:** Trên lớp
- Điểm của bài thi sẽ chiếm 20% tổng số điểm của học phần

#### **5.2.3. Bài thi hết môn: trọng số 50%**

Bài thi này dùng để kiểm tra toàn bộ quá trình học tập của sinh viên. Hình thức thi: vấn đáp – thực hành

• *Thời gian:* Theo lịch của nhà trường

• *Địa điểm:* Theo lịch của nhà trường

\* *Tiêu chí đánh giá các loại bài tập:*

- *Bài tập cá nhân:* Đánh giá ý thức học tập thường xuyên, kỹ năng làm việc độc lập với hình thức tư vấn đáp hoặc kiểm tra viết tại lớp hoặc ở nhà: 20% số điểm.

- *Bài tập nhóm:* đánh giá tinh thần làm việc trong nhóm, chủ yếu thông qua thực hành: 10% số điểm.

- *Bài thi giữa kỳ:* đánh giá khả năng tiếp thu và trình bày các vấn đề lý thuyết và thực hành thông qua hình thức viết: 20% số điểm.

- *Bài thi cuối kỳ:* vấn đáp, 50% số điểm toàn môn.

- *Tổng điểm cả môn học:* 30% + 20% + 50% = 100% = 10 điểm

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần (Số tín chỉ)	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (37 tín chỉ)	35	2
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (76 tín chỉ)	55	21
2.1	Kiến thức cơ sở ngành (21 tín chỉ)	19	2
2.2	Kiến thức ngành (41 tín chỉ)	33	8
2.3	Kiến thức bổ trợ (14 tín chỉ)	3	11
3	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (15 tín chỉ)	11	0
<b>TỔNG SỐ (1) + (2) + (3) = 124 tín chỉ</b>		<b>101</b>	<b>23</b>

Chương trình đào tạo đại học Việt Nam học được chia thành 8 học kỳ:

Học kỳ	Số lượng học phần	Số tín chỉ tương đương
1	6	15
2	8	17
3	7	16
4	7	16
5	7	17
6	7	18
7	5	14
8	Thực tập + KLTN (hoặc 2 học phần thay thế KLTN)	11
<b>TỔNG</b>	<b>50</b>	<b>124</b>

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		32		
I	<b>Lý luận chính trị</b>		12		
1.	196055	Triết học Mác-Lênin	3	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b> [1]. Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội. [2]. Bộ Giáo dục &amp; ĐT (2015), <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)</i>, Nxb CTQG.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [1]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui (2005), <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), NXB CTQG. [2]. Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG.</p>

2.	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b>  [1]. Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.  [2]. Bộ Giáo dục &amp; ĐT (2004), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b>  [1]. Văn kiện đảng toàn tập tập tập: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001), NXB CTQG.</p>
----	--------	-----------------------------	---	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

3.	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p><b>Giáo trình chính</b> [1]. Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [1]. <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015. [2]. <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học:</i> Dùng trong các trường ĐH, CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo H: CTQG, 2008</p>
4.	198025	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	<p>- <i>Nội dung của học phần:</i> Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Trình bày khái quát về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử Đảng. Chương 2: Trình bày sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, cương lĩnh chính trị</p>	<p><b>Giáo trình chính</b> [1]. Bộ GD&amp;ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQGST. [2]. Bộ GD&amp;ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQG.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [1]. Bộ GD&amp;ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I, II, III</i>, Nxb CTQG.</p>



			<p>đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền giai đoạn 1930-1945.</p> <p>Chương 2: Trình bày quá trình đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước giai đoạn 1945 -1975.</p> <p>Chương 3: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn 1975 đến nay.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.</p>	<p>[2]. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII, VIII,IX,X,XI,XII,XIII (2002,2002,1999,1999, 2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>
5.	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>2</p> <p>-<i>Nội dung học phần:</i> Gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>-<i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu đúng hệ thống tư</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia sự thật</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i></p>

				<p>tướng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.</p>	<p>[2]. Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử</i> (10 tập), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.  [3]. Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.  [4]. Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>, Nxb Chính trị quốc gia.</p>
6.	197030	Pháp luật đại cương	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: <i>Luật hiến pháp</i>, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư;</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc:</b>  1. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, Nxb Lao động (Quyển 1).  <b>Tài liệu tham khảo:</b>  1. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1)..  2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).</p>

				phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.	
<b>II Khoa học xã hội (6 tín chỉ)</b>					
7.	124255	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó xác định và mô tả được vấn đề nghiên cứu. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin thu thập được. Từ đó trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nghiên cứu độc lập một vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội; xây dựng, chứng minh và trình bày được các quan điểm khoa học; trình bày được một báo cáo khoa học hoặc viết được một đề tài khoa học; vận dụng được kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở bậc đại học.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b> [1] Phạm Việt Vượng (2004), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb. ĐHQG, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [1] Vũ Cao Đàm (2005), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội. [2] Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), <i>Phương pháp nghiên cứu XHH</i>, Nxb. ĐHQG, Hà Nội.</p>
8.	181145	Tâm lí học đại cương	2	- <i>Nội dung học phần:</i> Khái quát chung về khoa học tâm lí; Hoạt động, giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách, sự hình	<p><b>Giáo trình chính:</b> 1. Nguyễn Quang Uẩn (CB), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (CB), 2018. <i>Giáo trình tâm lý học</i></p>

				<p>thành phát triển nhân cách.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Trên cơ sở lĩnh hội nội dung học phần sinh viên hình thành được kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý cũng như phương hướng hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân để phù hợp với cuộc sống cũng như yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.</p>	<p><i>đại cương</i>, Nxb ĐHSP.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Nguyễn Xuân Thức (CB), 2017. <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐH SP.</p> <p>2. Phan Trọng Ngọ (CB), 2005. <i>Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐHSP.</p> <p>3. Trần Trọng Thủy, 2002. <i>Bài tập thực hành tâm lý học</i>, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.</p>
9.	122005	Các vấn đề xã hội đương đại	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm và các điều kiện hình thành các vấn đề xã hội. Các đặc trưng cơ bản của các vấn đề xã hội, việc phân loại các vấn đề xã hội, đặc trưng của một số vấn đề xã hội phổ biến trong xã hội hiện nay: vấn đề nghèo đói, vấn đề mại dâm, vấn đề HIV/AIDS, vấn đề ma túy, vấn đề người khuyết tật.... Phân tích, tiếp cận các vấn đề xã hội từ góc độ lí thuyết và đưa ra những giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề xã hội trong cuộc sống.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có năng lực phân tích nguồn gốc vấn đề, phạm vi, mức độ tác động đến xã hội và đưa ra được chương trình can thiệp đến các vấn đề xã hội đó. Ngoài ra sinh viên biết vận dụng linh hoạt</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Phạm Di, 2018. <i>Vấn đề xã hội Lý thuyết và vận dụng</i>, NXB Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Bùi Đình Thanh, 2008. <i>Xã hội học và Chính sách xã hội</i>, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Tiếp (Chủ biên), 2011. <i>Giáo trình Chính sách xã hội</i>, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.</p>

				<p>các vai trò của mình trong giải quyết các vấn đề xã hội khác nhau.</p>	
10.	123050	Tiếng Việt thực hành		<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Nghe, nói, đọc, viết là những kỹ năng quan trọng cần được hình thành, phát triển ở mỗi giai đoạn trong quá trình nhận thức và tư duy của con người. Học phần Tiếng Việt thực hành tập trung trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học như: văn bản, câu, từ, ngữ âm, từ đó thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: phân tích và tạo lập văn bản; đặt câu, dùng từ và chính tả trong văn bản.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học được phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt khi nói và viết cụ thể: rèn luyện và nâng cao kỹ năng nhận diện, tạo lập và phân tích văn bản; kỹ năng lập luận, kỹ năng đặt câu, dùng từ và chính tả trong văn bản; đồng thời có khả năng xử lý các hiện tượng ngôn ngữ thực tế giúp SV rèn luyện tư duy khoa học, sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn mực khi nói và viết.</p>	<p><b>Giáo trình chính :</b></p> <p>1. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (1997), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>2. Phan Thiều (1998), <i>Rèn luyện ngôn ngữ</i>, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.</p> <p>3. Nguyễn Quang Ninh (1997), <i>150 bài tập rèn kỹ năng dựng đoạn văn</i>, Nxb Giáo dục.</p>
<b>11. Chọn 1 trong 3 học phần</b>					
a	127045	Văn hóa phương Đông	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, nổi bật của các nền văn</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>[1] Lương Duy Thứ (1996/1997), <i>Đại cương văn hóa</i></p>

			<p>hóa Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản được hình thành từ thời cổ - trung đại. Đó là các thành tố văn hóa mang tính đại diện như tư tưởng triết học, văn học - nghệ thuật, tôn giáo đã có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành và phát triển văn hóa của các nước ở khu vực châu Á.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học đánh giá, trình bày được tổng quan về đặc điểm văn hóa Phương Đông; sử dụng được kiến thức về văn hóa Phương Đông phục vụ cho hoạt động nghiên cứu văn hóa và thuyết minh, hướng dẫn du lịch.</p>	<p><i>phương Đông</i>, Nxb Giáo dục</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>[1], Nguyễn Tôn Nhan (1998), <i>100 tác phẩm nổi tiếng nhất văn hoá Trung Hoa</i>, Nxb Văn học, Hà Nội.</p> <p>[2] Nguyễn Thừa Hỷ (1986), <i>Tìm hiểu văn hoá Ấn Độ</i>, Nxb Văn hoá, Hà Nội.</p> <p>[3] Nhật Chiêu (2007), <i>Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>
b	124090	Dân tộc học đại cương	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về dân tộc học đại cương. Trong đó bao gồm: Lý luận chung về dân tộc học (khái niệm về dân tộc học, đối tượng và mục đích của dân tộc học, lịch sử phát triển của dân tộc học trên thế giới và Việt Nam); Các chủng tộc trên thế giới; Các tiêu chí và các loại hình cộng đồng tộc người; Các ngữ hệ trên thế giới; Các tiêu chí tộc người; Một số vấn đề cơ bản của xã hội nguyên thủy; Các hình thức tôn giáo sơ khai.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên xác định được nguồn</p>	<p><b><i>Giáo trình chính</i></b>:</p> <p>[1] Lê Sỹ Giáo (chủ biên) (1998), <i>Dân tộc học đại cương</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b></p> <p>[1] Đặng Nghiêm Vạn (2003), <i>Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam</i>, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM.</p> <p>[2] Viện Dân tộc học (2014), <i>Các dân tộc ít người Việt Nam, T1, T2</i>, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.</p>

				<p>gốc phát triển của dân tộc học; phân loại được các chủng tộc và ngữ hệ cơ bản; trình bày được tiêu chí phân loại các tộc người; phân tích được các quan điểm về dân tộc học trong tiếp cận liên ngành, đa ngành trong bức tranh đa tộc người, đa văn hóa; hình thành kỹ năng nghiên cứu điền dã – phương pháp nghiên cứu đặc thù của dân tộc học; nâng cao được nhận thức về chính sách của Đảng và Nhà nước để vận dụng các nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc trong học tập, nghiên cứu.</p>	
124115	Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Khái quát về vị trí địa lý, đặc điểm về địa lý tự nhiên, dân cư, lịch sử, các di tích lịch sử - văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hoá vật chất và tinh thần của xứ Thanh. . . ; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá của Thanh Hoá.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên phân tích, đánh giá được những kiến thức chung nhất của Thanh Hóa về lịch sử, địa lý, văn hóa...; giảng giải, thuyết trình được những kiến thức đại cương về Thanh Hóa.</p>	<p><b>Giáo trình chính</b> [1] Sở Văn hoá - Thể thao – Du lịch Thanh Hoá (2015), <i>Thanh Hoá, quê hương, đất nước, con người</i>, Nxb. Thanh Hoá.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b> [1] Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hoá (2002), <i>Lịch sử Thanh Hoá</i>, Tập 1, 2, 3, 4, 5, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội. [2] Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hoá (2000), <i>Địa chí Thanh Hoá</i>, Tập 1,2,3,4,5, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.</p>	

III	Ngoại ngữ (10 tín chỉ)		
	133031	Tiếng Anh 1	<p data-bbox="651 1099 671 1128">4</p> <p data-bbox="767 192 1174 1644"> <i>- Nội dung học phần gồm:</i>  Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Elementary (3rd edition) và giáo trình <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>.  Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.  <i>- Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn </p> <p data-bbox="1193 450 1509 1765"> <b><i>Giáo trình chính:</i></b>  1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson., 2012., <i>English File- Elementary 3rd.</i> Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)  2. Nguyễn Thị Quyết., 2018., <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1)</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)  <b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b>  1. Raymond Murphy (2013). <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành.</i> NXB Thời đại  2. Cambridge ESOL (2011). <i>Cambridge Preliminary English Test</i> 2. Cambridge University Press </p>



				<p>kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiền A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	
133032	Tiếng Anh 2	3	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>1. Christina Latham – Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), <i>English File. Pre-intermediate, 3<sup>rd</sup> edition</i>. Nxb Văn Hóa Thông Tin.</p> <p>2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018). <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B</i>, Nhà xuất bản Thanh Hoá</p> <p><b><i>Tài liệu bắt buộc:</i></b></p> <p>1. Christina Latham – Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), <i>English File. Pre-</i></p>	

			<p>định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to....</p> <p>Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.</p> <p>Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình <i>Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. English File-Elementary 3rd Edition.</i> Oxford University Press.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực</p>	<p><i>intermediate, 3rd edition.</i> Nxb Văn Hóa Thông Tin.</p> <p>2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018). <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B</i>, Nhà xuất bản Thanh Hoá</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar In Use</i>. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại.</p> <p>2. Cambridge ESOL (2013), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>. Cambridge University Press.</p> <p>3. Cambridge ESOL (2014), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>. Cambridge University Press.</p>
--	--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

				<p>hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	
133033	Tiếng Anh 3	3	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: <i>Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3rd Edition. Oxford University Press</i> và <i>Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.</i></p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. <i>English File-Preintermediate 3rd edition.</i> Oxford University Press. (1)</p> <p>2. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET.</i> Richmond Publishing. (2)</p> <p><b>Tài liệu tham khảo (</b></p> <p>1. Raymond Murphy (1997), <i>Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use,</i> Nhà Xuất Bản Hà Nội (3)</p> <p>2. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test,</i> Cambridge University Press (4)</p> <p>3. Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test,</i> Cambridge University Press (5)</p>	

				<p>nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.</p>	
IV	<b>Toán - Tin học - KHTN - Công nghệ - Môi trường (4 tín chỉ)</b>				
	173080	Tin học	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2015, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b></p> <p>1. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng, 2010. <i>Tin học căn bản</i>, Nxb KH&amp;KT.</p> <p>2. Hàn Viết Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, Nxb ĐHQTKD.</p>

	118011	Môi trường và con người	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>. Nxb GD</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b></p> <p>[1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan(2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[2] Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13</p> <p>[3] Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): <i>Môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>
	<b>GIÁO DỤC THỂ CHẤT</b>				
	191004	Giáo dục thể chất 1 (học phần bắt buộc)	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học</p>	<p><b><i>Giáo trình chính :</i></b></p> <p>[1]. Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p>

				<p>cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.</p> <p>Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu</p> <p>Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác; Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa; Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn: Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa</p>	<p><i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>[1]. Nguyễn Đại Dương (2000), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TDTT.</p> <p>[2]. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB ĐH Sư phạm</p>
	Giáo dục thể chất 2 (học phần tự chọn) <i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>		2		
191031	Bóng chuyền		2	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp</p>	<p><b>Giáo trình chính</b></p> <p>1. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóngchuyền</i>, NXB ĐHSP, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b>:</p> <p>1. Nguyễn Quang (2001), <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền</i> NXB</p>

			<p>tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền ( Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.</p>	<p>TDTT, Hà Nội.</p> <p>2. Ủy ban TDTT (2003), <i>Luật bóng chuyền</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</p> <p>3. Ủy ban TDTT (1998), <i>Bóng chuyền bóng rổ</i>, NXB TDTT Hà Nội.</p>
191032	Thể dục Aerobic	2	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động</p>	

				tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu; Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic.	
191033	Bóng đá	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá; Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu; Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản; Hiểu được một số điểm của luật</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> 1.PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 207</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b> 1. Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá sân 11 người, năm 2014 Nxb TDTT.</i> 2. Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá sân 7 người, năm 2001 Nxb TDTT.</i> 3. Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá sân 5 người, năm 2011 Nxb TDTT.</i></p>	
191034	Bóng rổ	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyên bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> [1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, ĐHSP.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b> [1]. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, TDTT. [2]. Ủy ban thể dục</p>	



			<p>tấn công, Chiến thuật phũng thủ , phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.</p>	<p>thể thao (2006), <i>Luật Bóng rổ</i>, NXB TĐTT.</p> <p>[3]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB ĐH Thái Nguyên</p>
191035	Vovinam - Việt võ đạo	2	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Học phân bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TĐTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự “<i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>” tập 1, NXB TĐTT, 2008.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i></p> <p>[2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), <i>Nhu khí công quyền 2 - Vovinam</i>, NXB TĐTT.</p>

				<p>môn vovinam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).</p>	
<b>B</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC</b>		<b>54</b>		
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>17</b>		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>11</b>		
	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>[1] Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1] Trần Quốc Vượng (2002), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>[2] Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, Nxb Văn hóa thông tin</p>
	123240	Xã hội học	2	- <i>Nội dung học phần:</i> Xã	<b>Tài liệu bắt buộc:</b>

		đại cương		<p>hội học đại cương gồm: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận diện, phân tích được các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.</p>	<p>1. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (2008), <i>Xã hội học</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Lê Ngọc Hùng (2001), <i>Lý thuyết và lịch sử xã hội học</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Sinh Huy (2008), <i>Xã hội học đại cương</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
124030	Cơ sở khảo cổ học	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: lý thuyết cơ bản về khảo cổ học, kiến thức về khảo cổ học thế giới và ở Việt Nam. Cung cấp những tri thức về sự phát triển của lịch sử nhân loại, các thời đại khảo cổ từ thời đại đá cũ, thời đại đá mới đến thời đại sắt.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên được trang bị những kiến thức, các khái niệm cơ bản về khảo cổ học, phương pháp nghiên cứu khoa học. Vận dụng những kiến thức khảo cổ trong việc liên hệ với phần lịch sử cổ trung đại Việt Nam để hiểu rõ hơn giai đoạn lịch sử này.</p>	<p><b>Giáo trình chính :</b></p> <p>[1] Hán Văn Khẩn (Chủ biên) (2007), <i>Cơ sở khảo cổ học</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội,</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1] Đinh Ngọc Bảo, Phạm Văn Đẩu(2007), <i>Giáo trình khảo cổ học</i>, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.</p> <p>[2] Lê Đình Phúc (2007), <i>Giáo trình khảo cổ học</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>	

124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên năm có khả năng phân tích, nhận diện được các nền văn minh cổ trong lịch sử. Là kiến thức cơ bản nền tảng để phục vụ cho việc biên tập, giới thiệu, thuyết minh.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b> [1]. Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (1998), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [1]. Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1997), <i>Đại cương văn hóa phương Đông</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. [2]. Almanach, <i>Những nền văn Minh thế giới</i> (2015), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p>
124051	Lịch sử Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Môn học cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của Lịch sử Việt Nam. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b> [1]. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (1998), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b> [1]. Nguyễn Quang Ngọc (2007), <i>Tiến trình lịch sử Việt</i></p>

				<p>hiện nay.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên trình bày khái quát được tiến trình lịch sử Việt Nam; sử dụng được kiến thức lịch sử Việt Nam trong hoạt động thuyết minh hướng dẫn tại di tích lịch sử, bảo tàng. . .</p>	<p>Nam, Nxb. KHXH, Hà Nội.</p> <p>[2]. Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2013), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[3]. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2010), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam (tập 2)</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>
121041	Hán Nôm	2	<p>- <i>Nội dung môn học</i>: Học phần Hán Nôm nhằm giới thiệu về các loại hình Hán Nôm du lịch: thơ, văn, chiếu, truyện, kí (lưu đề) và các hệ thống hoành phi, câu đối, văn bia ở các di tích lịch sử. Ở mỗi thể loại, sẽ điếm qua về đặc điểm loại hình, các tác phẩm tiêu biểu. Các hiện tượng ngữ pháp của Hán cổ như kết cấu định ngữ, kết cấu cú vị, kết cấu động bổ; các hư từ cơ bản như <i>chi, kỳ, giả, dã</i> sẽ được giới thiệu lồng ghép trong mỗi bài học.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên khai thác, sử dụng được văn tự Hán Nôm ở mức độ đơn giản.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Đặng Đức Siêu (2007), <i>Ngữ văn Hán Nôm T1, T2</i>, Nxb. ĐH Sư phạm, Hà Nội</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1]. Nguyễn Ngọc San (2013), <i>Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm</i>, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>[2]. <i>Trương Thìn (2010)</i>, Mẫu Hoành phi, câu đối thường dùng, <i>NXB Thời Đại, Hà Nội</i></p> <p>[3]. Phạm Văn Khoái (2007), <i>Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.</p>	
124050	Các dân tộc Việt Nam	3	<p>- <i>Nội dung môn học</i>: Học phần tập trung giới thiệu các vấn đề cơ bản của dân tộc học dưới các góc độ: lịch sử tộc người, văn hóa tộc người, kinh tế tộc người, dân số tộc người.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Đặng Nghiêm Vạn (2003), <i>Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam</i>, Nxb. ĐHQG, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1]. Viện Dân tộc học</p>	

				<p>Phần kiến thức cơ bản gồm các nội dung: Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam; vấn đề lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư; đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội tộc người; các dân tộc thuộc các ngữ hệ Nam Á, Thái, Hán – Tạng và Nam Đảo tại Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên phân biệt được bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam; khai thác được bản sắc văn hóa các dân tộc trong các hoạt động bảo tồn bản sắc văn hóa, hướng dẫn du lịch, phát triển cộng đồng...</p>	<p>(2014), <i>Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)</i>, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.</p> <p>[2]. Viện Dân tộc học (1984), <i>Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)</i>, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.</p> <p>[3]. Vương Xuân Tình (Chủ biên), <i>Các dân tộc ở Việt Nam</i> (4 tập), Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.</p>
123015	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Kiến thức cơ bản, khái quát về bản chất xã hội, chức năng, tính hệ thống của tín hiệu ngôn ngữ, lịch sử và sự phát triển của ngôn ngữ loài người, phân loại ngôn ngữ, những vấn đề đại cương về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của các ngôn ngữ thế giới.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học có khả năng nhận biết, phân tích, nghiên cứu, xử lý các vấn đề lý thuyết và thực tiễn của ngôn ngữ nói chung và các ngôn ngữ dân tộc cụ thể.</p>	<p><b>Giáo trình chính :</b></p> <p>[1] Vũ Đức Nghiệu (2009), <i>Dẫn luận Ngôn ngữ học</i>, Nxb. ĐHQG Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1] Nguyễn Thiện Giáp (1998), <i>Cơ sở ngôn ngữ học</i>, Nxb. KHXH, Hà Nội.</p>	
125085	Kinh tế và phát triển	2	<p>- <i>Nội dung học phân</i> : Môn học cung cấp kiến thức về: sự ra đời và đặc điểm của nhóm các nước đang phát triển; sự cần thiết phải lựa</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), Giáo</p>	

			<p>chọn con đường phát triển kinh tế phù hợp với các quốc gia này. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia. Hệ thống kiến thức về các nguồn lực cơ bản cho sự phát triển kinh tế của một quốc gia; Nội dung của các lý thuyết và mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu trên thế giới, tìm hiểu về mô hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các vấn đề nảy sinh trong quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế như: công bằng xã hội, nghèo đói, bất bình đẳng, .... Vai trò, đặc điểm và định hướng phát triển của các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ,... trong nền kinh tế các nước đang phát triển. Những chiến lược, chính sách đổi mới nền KTXH và thành tựu phát triển KTXH của Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nhận thức được vai trò, giá trị, tầm quan trọng của tăng trưởng và phát triển kinh tế; nguyên tắc, bài học trong quá trình đi lên trở thành một quốc gia phát triển. Người học đạt được năng lực đánh giá; phân tích các nguồn lực và các mô hình, lý thuyết của tăng trưởng và phát triển kinh tế, hiểu rõ vai trò vị trí của các</p>	<p>trình kinh tế phát triển, NXB Lao động xã hội, Hà Nội</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ngô Thắng Lợi (chủ biên), Giáo trình kinh tế phát triển (2010). NXB ĐH Kinh tế quốc dân</li> <li>2. Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (đồng chủ biên) (2008), Giáo trình Kinh tế phát triển (<i>dùng cho sinh viên ngoài chuyên ngành</i>), NXB đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</li> <li>3. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2005). <i>Địa lí kinh tế - xã hội đại cương</i>. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.</li> </ol>
--	--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

				<p>ngành kinh tế trong mục tiêu tăng trưởng, phát triển của các quốc gia; biết nhìn nhận đúng đắn các vấn đề KTXH phát sinh trong quá trình phát triển của đất nước cũng như từng địa phương, từ đó có thể xác định những giải pháp mang tính hệ thống, hài hòa, phù hợp để thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam.</p>	
127045	Địa lý Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Kiến thức về lãnh thổ Việt Nam, sự phát triển tự nhiên của lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm các thành phần địa lý tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật) ở Việt Nam; phân vùng địa lý tự nhiên Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học có hiểu biết về đặc điểm địa lý tự nhiên của Việt Nam; phân tích được đặc điểm, ý nghĩa và vai trò của từng thành phần địa lý tự nhiên đối với các hoạt động kinh tế, văn hóa và xã hội, trong đó có các hoạt động liên quan đến ngành Việt Nam học - Du lịch; kể tên và nêu địa danh được những tài nguyên du lịch tự nhiên nổi tiếng của các miền. Từ đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức được trang bị trong học phân trong hoạt động nghề nghiệp sau này.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>(1) Đặng Duy Lợi (Chủ biên), Nguyễn Thị Kim Chương, Đặng Văn Hương, Nguyễn Thục Như, 2016. <i>Giáo trình Địa lý tự nhiên Việt Nam (Phần đại cương)</i>. Nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội.</p> <p>(2) Đặng Duy Lợi (Chủ biên), Nguyễn Thị Kim Chương, Đặng Văn Hương, Nguyễn Thục Như, 2016. <i>Giáo trình Địa lý tự nhiên Việt Nam (Phần khu vực)</i>. Nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>(1) Vũ Tự Lập, 2004. <i>Địa lý tự nhiên Việt Nam</i>. Nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội.</p> <p>(2) Lê Bá Thảo, 2001. <i>Thiên nhiên Việt Nam</i>. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.</p>	



	125146	Phân vùng văn hóa VN	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Phân vùng văn hóa Việt Nam là một khoa học liên ngành: văn hóa học, khu vực học, địa lý học, sử học, ngôn ngữ học, văn học. Trong đó lĩnh vực văn hóa học giữ vai trò chính yếu. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết vùng văn hóa, từ đó đi vào tìm hiểu từng vùng văn hóa cụ thể của Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân biệt được khái niệm vùng văn hóa với vùng địa lý, hiểu được các đặc trưng cơ bản của từng vùng văn hóa, giải quyết được các vấn đề kinh tế- xã hội, văn hóa theo từng vùng.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b> [1]. Ngô Đức Thịnh (2003), <i>Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam</i>, Nxb Trẻ, Tp. HCM.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b> [1]. Huỳnh Công Bá (2009), <i>Phân vùng văn hóa và đặc trưng văn hóa vùng ở Việt Nam</i>, Nxb. Thuận Hóa, Huế. [2]. Ngô Đức Thịnh (2009), <i>Bản sắc văn hóa vùng ở Việt Nam</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. [3]. Trần Quốc Vượng (2002), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>
	124096	Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản, hệ thống về: cơ sở hình thành các loại hình văn hóa vật thể ở Việt Nam; những thành tố cơ bản của hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam; vấn đề quản lý, bảo tồn và phát huy tác dụng của các di tích và danh thắng, đặc biệt nhấn mạnh trong lĩnh vực phát triển kinh tế du lịch. Học phần cũng trang bị cho người học những kỹ năng, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành cơ bản.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b> [1]. Dương Văn Sáu (2008), <i>Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [1]. Tổng cục Du lịch (2002), <i>Non nước Việt Nam</i>, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội. [2]. Nguyễn Thị Minh Ngọc (Chủ biên) (2012), <i>Hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam</i>,</p>

				<p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân biệt được hệ thống các di tích danh thắng ở Việt Nam; sử dụng và khai thác được giá trị của hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam để phục vụ phát triển du lịch và kinh tế</p> <p>- xã hội địa phương và trong hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch.</p>	Nxb Lao động, Hà Nội.
125116	Nhập môn Việt Nam học và Khu vực học	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản như: các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khu vực, quan điểm tiếp cận, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của ngành nghiên cứu khu vực; Những tri thức, những quan điểm khác nhau về sự ra đời cũng như các thời kỳ phát triển của bộ môn nghiên cứu khu vực; một số phương pháp nghiên cứu khu vực học cũng như ứng dụng nghiên cứu liên ngành trong các vấn đề văn hóa xã hội của đời sống.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phải hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khu vực; nắm bắt được quá trình phát triển của nghiên cứu khu vực từ khi bộ môn này ra đời đến nay; nhận diện quan điểm tiếp cận và một số phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu khu vực; nắm bắt được các vấn đề</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>[1]. Trần Lê Bảo (2015), Nhập môn Việt Nam học và khu vực, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b></p> <p>[1]. Khu vực học: cơ sở lý thuyết, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu (2006), Kỷ yếu Hội thảo Quốc về Khu vực học, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>[2]. Yumio Sakurai (2005) Khu vực học là gì? Bài giảng chuyên đề tại Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>	

				còn đang tranh luận trong nghiên cứu khu vực và quan điểm của các nhà nghiên cứu.	
125129	Văn hóa làng xã Việt Nam	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản của văn hoá làng xã Việt Nam như: khái niệm làng xã, đặc trưng văn hóa làng, văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần ... đồng thời nắm vững những vấn đề mấu chốt liên quan đến văn hóa Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên đánh giá, trình bày được tổng quan về văn hóa làng xã; sử dụng được kiến thức về văn hóa để phục vụ cho nghiên cứu khoa học, hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b> [1] Vũ Ngọc Khánh (CB) (2014), <i>Làng văn hóa cổ truyền Việt Nam</i>, Nxb. Văn học, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [1] Nguyễn Quang Ngọc (2009), <i>Một số vấn đề làng xã Việt Nam</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội. [2] Phạm Hùng Cường (2014), <i>Làng xã truyền thống Việt Nam bảo tồn và phát triển</i>, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.</p>	
125131	Làng nghề truyền thống Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về làng nghề và du lịch làng nghề; tiềm năng phát triển du lịch văn hóa làng nghề Việt Nam; hiện trạng, định hướng và giải pháp phát triển du lịch làng nghề Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xây dựng và thực hiện được các chương trình du lịch tại các làng nghề.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b> 1. Bùi Văn Vượng (2002), <i>Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam</i>, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> 1. Phạm Côn Sơn (2004), <i>Làng nghề truyền thống Việt Nam</i>, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội. 2. Dương Bá Phượng (2001), <i>Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa,</i></p>	

					NXB Khoa học xã hội, Hà Nội. 3. PGS.TS. Trương Minh Hằng (Chủ biên) (2013), <i>Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam</i> (6 tập), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội
121050	Tiến trình văn học Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Trình bày đại cương về văn học dân gian Việt Nam: Các thể loại văn học dân gian, đặc trưng, thi pháp của văn học dân gian; Các giai đoạn phát triển của văn học Việt Nam, từ văn học Trung đại đến văn học hiện đại, bao gồm các vấn đề: Hoàn cảnh lịch sử tác động đến sự vận động của văn học; Các thể loại văn học chính; Đặc điểm, thành công và hạn chế; Những tác gia tác phẩm tiêu biểu.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có khả năng hệ thống hóa các vấn đề và hiện tượng văn học, nhận diện văn học trong một tiến trình phát triển liên tục.</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> [1] Nguyễn Phạm Hùng, <i>Văn học Việt Nam (từ thế kỉ X đến thế kỉ XX)</i> Dùng cho khoa Du lịch và các khoa không chuyên ngành Ngữ văn, Nxb ĐHQG HN 1999</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b> 1. Nguyễn Văn Long - Lã Nhâm Thìn <i>Văn học Việt Nam sau 1975 - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006 2. Nguyễn Văn Long (chủ biên) <i>Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945</i>, Nxb ĐHS, HN 2017.</p>	
124226	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản, hệ thống về các vấn đề liên quan đến văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội ở Việt Nam. Kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu</p>	<p><b><i>Giáo trình chính :</i></b> 1. Trần Ngọc Thêm (2006), <i>Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam</i>, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b></p>	

				<p>chuyên ngành cơ bản.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hướng dẫn, giải thích được về các hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội dân gian ở Việt Nam truyền thống và hiện tại.</p>	<p>1. Hoàng Lương (2011), <i>Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam – các tỉnh phía Bắc</i>, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội</p>
124052	Thẻ chế chính trị VN hiện đại	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp kiến thức về lịch sử hình thành thể chế chính trị Việt Nam hiện đại; nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xác định được bản chất, đặc điểm, nội dung của thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay; tham gia tuyên truyền, vận động được quần chúng nhân dân trong xây dựng và giám sát hệ thống chính quyền các cấp theo đúng Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>[1]. Thái Vĩnh Thắng (2015), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i>, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b></p> <p>[1]. Lê Minh Tâm (2015), <i>Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật</i>, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.</p> <p>[2]. Vũ Thị Phụng (2007), <i>Giáo trình lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam</i>, Nxb. ĐH Quốc gia, Hà Nội.</p>	
124295	Thẻ chế chính trị thế giới hiện đại	2	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp khái niệm cơ bản về thể chế chính trị thế giới; cơ sở hình thành; bản chất; cấu trúc các loại hình thể chế chính trị thế giới đương đại. Trình bày thể chế chính trị của các nước tiêu biểu điển hình cho các thể chế chính trị trên thế giới hiện nay.</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>[1]. Vũ Thị Nga (2014), <i>Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới</i>, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b></p> <p>[1]. Lê Minh Tâm (2015), <i>Giáo trình Lý luận Nhà nước và</i></p>	

				<p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên nâng cao được tư duy biện chứng, phân tích tổng hợp và liên hệ với đời sống thực tế về thể chế chính trị hiện nay trên thế giới; từ đó nhận thức được bản chất của các loại thể chế chính trị thế giới đương đại. Biết nhận xét, đánh giá tổng quan về đặc điểm các loại hình thể chế chính trị thế giới hiện nay; sử dụng được phương pháp luận khoa học, khách quan trong nghiên cứu các mối quan hệ quốc tế hiện nay.</p>	<p><i>pháp luật</i>, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội [2]. Phan Trọng Hoà (1993), <i>Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật</i>, Nxb. ĐHTT Hà Nội</p>
125127	Phát triển du lịch bền vững	3	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> 1. Nguyễn Đình Hoà, Vũ Văn Hiếu (2001), <i>Du lịch bền vững</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. <b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b> 1. Phạm Trung Lương (2002), <i>Du lịch sinh thái – những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục.</p>	

				<p>định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích, đề xuất và vận dụng được các giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực do du lịch gây ra. Thực hiện được các qui tắc ứng xử văn minh trong du lịch</p>	
36. Chọn 1 trong 2 học phần					
	124330	Tổng quan di sản thế giới	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Môn học cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản, hệ thống về di sản văn hóa, các loại hình di sản trên thế giới và ở Việt Nam: di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di sản văn hóa hỗn hợp. Thực trạng các loại di sản văn hóa trên thế giới và ở Việt Nam. Vấn đề gìn giữ và phát huy các giá trị của các di sản văn hóa nhằm làm đa dạng, phong phú các giá trị văn hóa và góp phần phát triển xã hội trong xu hướng toàn cầu hóa.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có khả năng đối chiếu, so sánh các di sản văn hoá trên thế giới giữa các quốc gia, châu lục với nhau, từ đó để hiểu đặc thù của di sản văn hoá. Môn học này cung cấp cho sinh viên một hành trang văn hoá thế giới để họ hiểu rõ hơn những giá trị của các di sản văn hoá thế giới.</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> [1]. Bùi Đẹp, 2005, <i>Di sản thế giới, Tập 1 đến tập 10</i>, Nxb. trẻ, Tp.HCM.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b> [1]. Ngô Văn Doanh (1997), <i>Phong tục các dân tộc Đông Nam Á</i>, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội. [2]. Nguyễn Tấn Đắc (Chủ biên) (2010), <i>Văn hoá Đông Nam Á</i>, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.</p>

127021	Văn hóa Đông Nam Á	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho Sinh viên một số kiến thức cơ bản của văn hoá Đông Nam Á như: văn hoá khu vực Đông Nam Á; nhóm chủng tộc; nhóm ngôn ngữ; chữ viết; ngành nghề, địa lý, khí hậu; các giai đoạn phát triển. . . . ; giúp nắm vững những vấn đề mấu chốt liên quan đến vấn đề văn hóa dân tộc của các nước trong khu vực.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên đánh giá, trình bày được tổng quan về đặc điểm văn hóa của các nước Đông Nam Á; phân biệt được đặc điểm đặc trưng trong văn hóa từng quốc gia trong khu vực; sử dụng được kiến thức về văn hóa các nước Đông Nam Á phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b> [1]. Mai Ngọc Chừ (1999), <i>Văn hóa Đông Nam Á</i>, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [1]. Ngô Văn Doanh (1997), <i>Phong tục các dân tộc Đông Nam Á</i>, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội. [2]. Nguyễn Tấn Đắc (chủ biên, 2010), <i>Văn hóa Đông Nam Á</i>, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội. [3]. Lương Ninh (chủ biên, 2005), <i>Lịch sử Đông Nam Á</i>, Nxb Giáo dục.</p>
37. Chọn 1 trong 2 học phần				
121090	Văn học dân gian VN	2	<p><i>Nội dung học phần:</i> Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về văn học dân gian Việt Nam; hướng dẫn sinh viên hiểu văn học dân gian như một bộ phận của văn chương và coi văn học dân gian như đối tượng xã hội văn hóa, giúp sinh viên tìm hiểu đất nước, con người, tâm hồn, phẩm chất Việt Nam qua các thể loại văn học dân gian, các phương thức nghệ thuật thể hiện</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b> [1]. Nguyễn Bích Hà (2015), <i>Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam</i>, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b> [1]. Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên - Võ Quang Nhơn (2010), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. [2]. Lê Chí Quế - Võ</p>



				<p>những nét tâm hồn phẩm chất đó.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có khả năng ứng dụng văn học dân gian vào việc giảng dạy, nghiên cứu tìm hiểu văn hóa.</p>	<p>Quang Nhon -Nguyễn Hùng Vĩ (2001), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.</p>
121026	Lịch sử văn học Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần :</i> Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX, bao gồm các vấn đề: Cơ sở lịch sử, xã hội, kinh tế, văn hóa, văn học, các đặc trưng thi pháp của văn học trung đại Việt Nam. Các giai đoạn phát triển của văn học trung đại Việt Nam, bao gồm: Các cảm hứng văn học nổi bật, các thể loại văn học và tác giả, tác phẩm tiêu biểu.</p> <p>- Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay qua các giai đoạn: Từ đầu thế kỷ XX đến 1930, giai đoạn 1930-1945, giai đoạn 1945-1954, giai đoạn 1954-1975, giai đoạn từ 1975 đến nay. Mỗi giai đoạn đều được nghiên cứu từ hoàn cảnh lịch sử, xã hội, kinh tế, văn hóa của sự phát triển văn học đến các chặng vận động, những đặc điểm cơ bản và thành tựu nổi bật.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có khả năng phân biệt được các giai đoạn phát triển của văn học, tìm ra được đặc điểm văn học của mỗi thời kỳ lịch sử.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Bùi Đức Tịnh (2005), <i>Lược khảo lịch sử văn học Việt Nam từ khởi thủy đến cuối thế kỉ XX</i>, Nxb. Văn nghệ, Tp.HCM</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác, Nguyễn Hoành Khung, Lê Chí Dũng, Hà Văn Đức, <i>Văn học Việt Nam (1900-1945)</i> (1997), Nxb. Giáo dục (tái bản), Hà Nội.</p> <p>[2]. Trần Đăng Suyễn, Nguyễn Văn Long (Đồng chủ biên) (2007), <i>Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại, Tập 1,2</i>, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>[3]. Nguyễn Đăng Na (chủ biên) (2006) <i>Lã Nhâm Thìn, Đinh Thị Khang, Văn học trung đại Việt Nam, Tập 1,2</i> Nxb. ĐH Sư phạm, Hà Nội.</p>	

38. Chọn 1 trong 2 học phần

	123058	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2	<p>- <i>Nội dung học phần</i> gồm: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối quan hệ cội nguồn giữa các ngôn ngữ và các ngữ hệ ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; sự phân chia các ngữ hệ và các chi, nhánh, nhóm ngôn ngữ ở Việt Nam; những đặc điểm loại hình, cấu trúc, chức năng xã hội - ngôn ngữ học, chữ viết của các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong quan hệ với các ngôn ngữ ở khu vực Đông Nam Á và thế giới; những vấn đề chính sách ngôn ngữ của quốc gia trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học biết vận dụng kiến thức của môn học để hiểu các biểu hiện cụ thể của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và biết vận dụng kiến thức môn học trong công việc và đời sống.</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b> [1] Trần Trí Dõi (2000), <i>Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở VN</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [1] Trần Trí Dõi (2003), <i>Chính sách ngôn ngữ văn hóa dân tộc ở VN</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p>
	129097	Phương ngữ học	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản gồm: Khái niệm phương ngữ, Quan hệ giữa phương ngữ với ngôn ngữ toàn dân xét về mặt lịch sử, Vai trò của phương ngữ đối với ngôn ngữ toàn dân, Những vùng phương ngữ của tiếng Việt (Vấn đề phân vùng tiếng Việt, Cấu</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b> [1] Hoàng Thị Châu (2009), <i>Phương ngữ học tiếng Việt</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b> [1] Võ xuân Trang (1981), <i>Từ địa phương với vấn đề về việc chuẩn hóa tiếng Việt về mặt từ ngữ</i>,</p>

				<p>trúc âm tiết và âm đệm trong các phương ngữ tiếng Việt, Hệ thống phụ âm đầu và các biến thể của nó qua các phương ngữ, Hệ thống thanh điệu trên các miền đất nước), Mặt lịch sử xã hội của phương ngữ (Mạng lưới thổ ngữ, phương ngữ là tấm gương phản ánh quá trình phát triển của dân tộc...) và thực tế phương ngữ của ba vùng phương ngữ lớn trên cả nước hiện nay.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học biết vận dụng kiến thức của môn học để hiểu các hiện tượng phương ngữ học trong tiếng Việt và biết vận dụng kiến thức phương ngữ học trong công việc và đời sống.</p>	Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ, NXB KHXH, H.
125120	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i>Ngữ pháp căn bản, vốn từ vựng và những mẫu câu cơ bản trong giao tiếp tiếng Anh thuộc lĩnh vực văn hóa du lịch, giới thiệu khái quát các loại hình di tích lịch sử văn hóa ở Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thành thạo trong giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh với du khách và đối tác trong hoạt động văn hóa – du lịch, thuyết minh tại các điểm di tích lịch sử văn hóa.</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> [1] Lê Thị Tuyết Mai (2010), <i>Giáo trình Tiếng Anh Du lịch di tích lịch sử văn hóa</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b> [1] Dương Văn Sáu (2018), <i>Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam</i>, Nxb. Lao động, Hà Nội. [2] Nguyễn Lan Phương (2018), <i>Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam</i>, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.</p>	
125122	Tiếng Anh	3	- <i>Nội dung học phần:</i> Ngữ	<b><i>Giáo trình chính:</i></b>	

		chuyên ngành 2		<p>pháp căn bản, vốn từ vựng và những mẫu câu cơ bản trong giao tiếp tiếng Anh thuộc lĩnh vực văn hóa, cụ thể là các lễ hội truyền thống tiêu biểu ở Việt Nam như lễ hội năm mới, lễ hội đền Hùng, tết Trung Thu và lễ hội của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên có khả năng thuyết trình về một vấn đề liên quan đến lễ hội truyền thống ở Việt Nam, có khả năng làm thuyết minh viên tại điểm giới thiệu lễ hội bằng tiếng Anh.</p>	<p>[1] Lê Thị Tuyết Mai (2006), <i>Giáo trình Tiếng Anh du lịch qua lễ hội truyền thống Việt Nam</i>, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1] Dương Văn Sáu (2018), <i>Giáo trình Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch</i>, Nxb. Lao động, Hà Nội.</p> <p>[2] Nhiều tác giả (2014), <i>Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam</i>, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.</p>
125141	Thực tế văn hóa miền Bắc		2	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần này vừa giúp cho sinh viên làm quen với thực tế vừa tạo điều kiện cho sinh viên thu thập thông tin về văn hóa các tỉnh phía Bắc Việt Nam. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các di tích lịch sử, văn hóa và các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động văn hóa du lịch tại các tỉnh miền Bắc. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đa học vào thực tế, bước đầu thấy được những đặc điểm và yêu cầu đối với người làm chuyên viên văn hóa, hướng dẫn viên du lịch, biên tập, biên soạn.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh cơ bản</p>	<p><b>Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông, Vũ Tuấn Cảnh (2005), <i>Địa lý du lịch</i>, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Bùi Thị Hải Yến (2006), <i>Tuyến Điểm Du Lịch Việt Nam</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[2]. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2004), <i>Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel Atlats)</i>, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p>

			<p>phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch trên các tuyến du lịch của vùng du lịch Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng Bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc; xây dựng được các chương trình văn hóa du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố như vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết...; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch</p>	
125142	Thực tế văn hóa miền Trung	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này vừa giúp cho sinh viên làm quen với thực tế vừa tạo điều kiện cho sinh viên thu thập thông tin về văn hóa. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các di tích lịch sử văn hóa và tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động văn hóa du lịch, quảng cáo truyền thông, biên tập báo chí tại các tỉnh thuộc vùng du lịch Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đa học vào thực tế, bước đầu thấy được những</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> [1]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông, Vũ Tuấn Cảnh (2005), <i>Địa lý du lịch</i>, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b> [1]. Thủ tướng Chính phủ (2013), <i>Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030</i>. [2]. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2004), <i>Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel</i></p>

				<p>đặc điểm và yêu cầu đối với người biên tập, hướng dẫn viên, chuyên viên văn hóa.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh cơ bản phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch trên các tuyến văn hóa du lịch của khu vực miền Trung – Tây Nguyên; xây dựng được các chương trình du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố như vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết. . . ; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch</p>	<p><i>Atlats</i>), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p>
125123	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức: các khái niệm cơ bản về dịch vụ du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hướng dẫn du lịch, phương pháp hướng dẫn, tổ chức tham quan theo chuyên đề và kỹ năng xử lý tình huống xảy ra trong quá trình tổ chức hướng dẫn du lịch.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh</p>	<p><b><i>Giáo trình chính</i></b> [1] Bùi Thanh Thủy (2012), <i>Nghiệp vụ Hướng dẫn Du lịch</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b> [1]. Đinh Trung Kiên (2006), <i>Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội. [2] Tổng cục du lịch (2013), <i>Tiêu chuẩn Kỹ năng nghề du lịch</i></p>	

				<p>viên có năng lực tổ chức, quản lí và điều hành hoạt động kinh doanh trong khách sạn, công ty du lịch, công ty lữ hành, các hoạt động hỗ trợ trong quá trình tổ chức hướng dẫn du lịch, xử lí tình huống...Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kĩ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm,....</p>	<p><i>Việt Nam (VTOS), Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.</i></p>
<b>44. Chọn 1 trong 2 học phần</b>					
	127046	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về ẩm thực truyền thống Việt Nam. Trong đó bao gồm: nền tảng của ẩm thực Việt Nam, những quan niệm và chuẩn mực trong ẩm thực của người Việt, nghệ thuật ẩm thực của người Việt, ẩm thực các vùng miền; ẩm thực của các dân tộc ít người tiêu biểu ở Việt Nam. Đồng thời, phân biệt được khẩu vị ẩm thực của từng vùng miền trên đất nước Việt Nam. Vấn đề giao lưu văn hóa ẩm thực và vai trò của ẩm thực đối với phát triển du lịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được những yếu tố ảnh hưởng tới ẩm thực và văn hoá ẩm thực của Việt Nam; phân biệt được khẩu vị ẩm thực của các vùng miền Việt Nam;</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> [1]. Nguyễn Thị Bảy, Trần Quốc Vương (2010), <i>Văn hóa ẩm thực Việt Nam – nhìn từ lý luận và thực tiễn</i>, NXB Từ điển Bách Khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b> [1]. Mai Khôi (2000), <i>Văn hoá ẩm thực Việt Nam – Bắc – Trung – Nam</i>, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh. [2]. Nguyễn Thị Huệ (2012), <i>Văn hóa ẩm thực Việt Nam</i>, NXB Thời Đại, Hà Nội.</p>

				<p>xây dựng được thực đơn cũng như trong tổ chức phục vụ ăn uống trong quá trình hướng dẫn du lịch; chế biến được các món ăn cơ bản theo văn hóa truyền thống của các dân tộc Việt Nam.</p>	
127053	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về nguyên liệu chế biến và sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến. Lựa chọn và bảo quản nguyên liệu. Phương pháp xây dựng thực đơn. Kiểm tra, đánh giá chất lượng chất lượng sản phẩm. Các xu hướng ẩm thực toàn cầu. Các phương pháp chế biến và kỹ thuật chế biến món ăn, đồ uống, một số món ăn cơ bản, cũng như kỹ năng và nghệ thuật trang trí sản phẩm ăn uống</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> sinh viên thực hiện được việc tính toán chi phí nguyên liệu, kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, lập bảng thống kê chi phí nguyên liệu. Kỹ thuật chế biến sản phẩm ăn uống với các phương pháp chế biến đa dạng. Kỹ năng trang trí sản phẩm ăn uống. Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm,....</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>1. Lê Thanh Xuân (Chủ biên) <i>Công nghệ chế biến sản phẩm ăn uống</i>, NXB Đại học Thương Mại. 1998.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo:</i></b></p> <p>1. Hoàng Minh Khang (Chủ biên). <i>Phương pháp xây dựng thực đơn</i>. NXB Lao động Hà Nội, 2012</p> <p>2. Tổng cục du lịch Việt Nam, Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam, Kỹ thuật chế biến món ăn Âu. (VTOS)</p> <p>3. Tường Minh Ngọc (chủ biên), <i>Thực hành chế biến món ăn</i>. Nxb Lao động Hà Nội. 2013</p>	



45. Chọn 1 trong 3 học phần

	127054	Du lịch văn hóa	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về Du lịch nhân văn, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của du lịch nhân văn - Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về du lịch nhân văn để ứng dụng vào phát triển du lịch bền vững ở nước ta.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa du lịch với văn hóa, có khả năng phân tích và vận dụng kiến thức văn hóa trong phát triển và hoạt động du lịch.</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> 1. Trần Thúy Anh (2011), <i>Du lịch văn hóa</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b> 1. Bùi Thị Hải Yến (2007), <i>Tài nguyên du lịch</i>, Nxb văn hóa dân tộc 2. Trần Đức Thanh (1998), <i>Nhập môn Khoa học du lịch</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội</p>
	125077	Du lịch cộng đồng	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần DLCĐ và Homestay nghiên cứu những kiến thức cơ bản về DLCĐ và homestay như khái niệm DLCĐ, homestay, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển DLCĐ, kinh doanh homestay đến kinh tế, xã hội và môi trường. Mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay. Đặc biệt, học phần giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> [1] Bùi Thị Hải Yến (2012), <i>Du lịch cộng đồng</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b> [1] Nguyễn Bảo Thoa (2015), <i>Những điều cần biết về phát triển du lịch cộng đồng</i>, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội. [2] Võ Quế (2006), <i>Du lịch cộng đồng: Lý thuyết và vận dụng</i>, Nxb. Khoa học</p>

				<p>mô hình DLCĐ, tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những nội dung học kinh nghiệm thực tiễn phát triển DLCĐ và homestay tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận dạng được DLCĐ, du lịch Homestay, từ đó phân tích so sánh loại hình du lịch này với những mô hình du lịch khác; phân tích các hình thức khác nhau của DLCĐ, Homestay. Xác định được thị trường mục tiêu cũng như chủ thể kinh doanh DLCĐ, Homestay; Có khả năng phân tích, đánh giá những điều kiện phát triển DLCĐ, Homestay, những tác động tiêu cực của loại hình du lịch này đến kinh tế xã hội.</p>	Kỹ thuật, Hà Nội.
122093	Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	3	<p><i>Nội dung học phần:</i>  Học phần hướng đến việc giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất trong giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ như: Các lý thuyết dạy tiếng đã và đang tồn tại trên thế giới cũng như việc vận dụng chúng ở Việt Nam, Những kiến thức ngôn ngữ học và những kiến thức liên quan cần được trang bị cho người dạy tiếng Việt và những nguyên tắc, kỹ năng</p>	<p><b>Giáo trình chính</b>  1. Nhiều tác giả, <i>Giáo trình tiếng Việt cho nước ngoài</i>, trình độ A1 (2 quyển), A2 (2 quyển), Nxb Thế giới, Hà Nội, 2006.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b>  1. Phan Văn Hòa, Nguyễn Ngọc Chinh, Cao Thị Thanh Bình, <i>Giáo trình tiếng Việt thực hành dành cho người nước ngoài</i>,</p>	

			<p>đạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cho người học mà tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Việt.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> có kiến thức cơ bản về giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, soạn được giáo án giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.</p>	<p>Nxb ĐH QG HCM, 2003.</p> <p>2. Lê Văn Tấn, Nguyễn Thị Hương, Vũ Thị Ngọc Dung, Đào Thanh Thủy, Tăng Chánh Tín, Ths Hoàng Hồng Anh, Chung Lê Khang, Trần Thanh Bắc, Hoàng Văn Định, Ths. Nguyễn Đức Nam (2020), <i>Tiếng Việt cao cấp – chuyên đề phong tục tập quán Việt Nam (dành cho người nước ngoài)</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội.</p>
125136	Văn hóa giao tiếp	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần đề cập đến khái niệm chung về giao tiếp, văn hóa giao tiếp trong các lĩnh vực công sở, hoạt động truyền thông, báo chí, trong hoạt động du lịch. Những vấn đề chung liên quan đến kỹ năng trong giao tiếp; những phẩm chất thái độ cần thiết khi thực hiện quá trình giao tiếp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được tâm lý và hành vi của các đối tượng giao tiếp và những chỉ dẫn về giao tiếp văn minh trong tại nơi làm việc; nhận biết, thông hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản của văn hóa giao tiếp; thực hiện được các kỹ</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> [1] Hoàng Trọng Canh, Quế Mai Hương (2019), <i>Văn hóa giao tiếp</i>, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b> [1] Trần Thúy Anh (Chủ biên) (2004), <i>Ứng xử văn hoá trong du lịch</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội. [2] Nguyễn Tất Thịnh (2006), <i>Bàn về văn hóa ứng xử của người Việt</i>, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội. [1] Lê Văn Tấn (chủ biên) (2021), <i>Tiếng Việt chuyên ngành Việt Nam học và</i></p>

				năng giao tiếp cơ bản.	<i>Khoa học Xã hội,</i> Nxb. Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
	125137	Lễ tân ngoại giao	3	<p>- <i>Nội dung học phần</i> : Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản (như giao tiếp, ứng xử, phép lịch sự xã giao, lễ nghi và tập quán giao tiếp, phép lịch sự xã giao, lễ tân, ngoại giao và lễ tân ngoại giao). Các nội dung của giao tiếp quốc tế như tâm lý và tập quán giao tiếp của các cư dân thế giới, các vấn đề văn hóa xuyên quốc gia, phép lịch sự xã giao quốc tế cũng được cung cấp trong nội dung học phần. Người học cũng được làm quen với các vấn đề chung về ngoại giao trên thế giới và ở Việt Nam, các nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động lễ tân ngoại giao như nghiệp vụ đón tiếp và tổ chức hậu cần, tổ chức sự kiện ngoại giao, tổ chức tiệc ngoại giao.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên nhận diện được nguyên tắc và các nội dung cơ bản của lễ nghi, lễ tân nhà nước (đối nội và đối ngoại), lễ tân ngoại giao. Ứng biến, xử lý các tình huống thực tế trong giao tiếp đối ngoại. Tự tin, nhạy bén khi giao tiếp và thực hành nghề trong môi trường làm việc có yếu tố nước</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> [1] Trịnh Lê Anh (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Nghiệp vụ giao tiếp và Lễ tân ngoại giao</i>, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b> [1] Louis Dussault (1999), <i>Lễ tân - công cụ giao tiếp</i>, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. [2] Võ Anh Tuấn (2000), <i>Lễ tân ngoại giao thực hành</i>, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p>

				ngoài, linh hoạt, khéo léo, tinh tế, kiên trì trong giao dịch với khách hàng.	
<b>47. Chọn 1 trong 3 học phần</b>					
	125138	Tổ chức sự kiện	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về hoạt động tổ chức sự kiện: những khái niệm, đặc điểm, cách phân loại tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới. Từ đó giúp sinh viên có khả năng sáng tạo, thực hiện công tác tổ chức sự kiện trong thực tế</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân biệt được các loại hình sự kiện; thành thạo quy trình tổ chức 1 số sự kiện phổ biến như: Hội thảo; họp báo; đại hội khách hàng; giới thiệu, triển lãm sản phẩm, teambuilding...; hình thành được tư duy sáng tạo, chủ động trong hoạt động tổ chức sự kiện.</p>	<p><b><i>Giáo trình chính:</i></b> [1]. Cao Đức Hải (2010), <i>Giáo trình quản lý lễ hội và sự kiện</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b> [1]. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2015), <i>Quản trị Tổ chức sự kiện và Lễ hội</i>, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội. [2]. Lưu Văn Nghiêm (2007), <i>Tổ chức sự kiện</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.</p>
	125139	Quảng cáo truyền thông	2	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về quảng cáo (định nghĩa, vai trò, chức năng, lịch sử của quảng cáo, vấn đề văn hóa và đạo đức trong quảng cáo); tổ chức hoạt động của phòng quảng cáo và công ty quảng cáo; đặc điểm của quảng cáo trên các phương tiện báo in, radio, truyền hình, cinema; quảng cáo ngoài trời và trên các phương tiện giao thông công cộng; các loại hình</p>	<p><b><i>Tài liệu bắt buộc</i></b> [1]. Philip Kotler (Vũ Trọng Hùng dịch), <i>Quản Trị Marketing</i>, Nxb Thống kê, Hà Nội.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b> [1]. Phi Vân (2007), <i>Quảng cáo ở Việt Nam</i>, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh. [2]. Trương Tiếp Trương, Thái Quân (2004), <i>Sự thật về quảng cáo</i>, Nxb. Trẻ,</p>

				<p>quảng cáo khác; kế hoạch sử dụng các phương tiện truyền thông cho quảng cáo; quảng cáo ở VN.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm bắt được các hình thức quảng cáo cơ bản, biết cách sử dụng các phương tiện truyền thông cho mục đích quảng cáo. Được rèn luyện kỹ năng và thói quen tự nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình, tranh luận, phản biện.</p>	Tp. Hồ Chí Minh.
	127044	Nghiệp vụ biên tập báo chí, xuất bản	2	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần trang bị những tri thức chung về công tác biên tập trong hoạt động báo chí và biên tập bản thảo trong hoạt động xuất bản: khái niệm, vai trò, nội dung và quy trình biên tập. Nghiệp vụ biên tập viên cung cấp cho sinh viên những hiểu biết tổng quát về nghề biên tập, những điểm tựa của biên tập viên, những yêu cầu như sự chính xác, sự dễ hiểu, sự công bình và đạo đức của người biên tập. Môn học trang bị cho sinh viên hiểu biết về công việc, vai trò và trách nhiệm của người biên tập; Hiểu các yêu cầu, phương pháp và quy tắc trong việc biên tập; Biết cách biên tập các bài báo và hình thành thái độ tôn trọng nghề biên tập và viết báo.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên được trang bị</p>	<p><b><i>Giáo trình chính</i></b></p> <p>1. Nguyễn Quang Hòa (2015), <i>Biên tập báo chí</i>, Nxb. Thông tin truyền thông, Hà Nội</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b></p> <p>1. Nguyễn Trọng Báu (2002), <i>Biên tập ngôn ngữ sách và báo chí</i>, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.</p> <p>2. Ngọc Trân (2013), <i>Khám phá nghề biên tập</i>, Nxb. Trẻ, TP.Hồ Chí Minh</p>

				hiếu biết về công việc, vai trò và trách nhiệm của người biên tập; Hiểu các yêu cầu, phương pháp và quy tắc trong việc biên tập; Biết cách biên tập các bài báo và hình thành thái độ tôn trọng nghề biên tập và viết báo.	
	<b>Thực tập, thực tế, Khoá luận TN/ HP thay thế KLTN</b>		11		
123190	Thực tập nghề nghiệp cuối khóa		5	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp làm việc tại các sở ban ngành văn hóa, bảo tàng lịch sử, văn hóa, các phòng ban biên tập, công ty du lịch, các cơ sở kinh doanh lưu trú ăn uống để rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các hoạt động cụ thể tại cơ sở thực tập. Sinh viên thực tập được tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ của cơ quan, doanh nghiệp, được bố trí tham gia hướng dẫn du lịch qua một số chương trình du lịch cụ thể của công ty và làm các công việc khác như thiết kế tour, nhân viên văn phòng, nhân viên quảng cáo, biên tập, lễ tân, nhân viên tiếp thị du lịch, đặt chỗ các dịch vụ du lịch, v.v...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Hoàn thiện năng lực làm việc cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp đối với các nghề: quản</p>	- Các tài liệu bắt buộc của các môn thuộc khối kiến thức định hướng chuyên ngành

				lí nhà nước về văn hóa, du lịch, lễ hành, khách sạn, nhà hàng, biên tập viên...	
	<b>Khoá luận TN/ học phần thay thế</b>		6		
a.	127072	Văn hóa du lịch	3	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch - Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên chủ động điều khiển, kiểm soát được các hành vi ứng xử của các đối tượng tham gia hoạt động du lịch theo chuẩn mực chung.</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b> [1] Trần Diễm Thúy (2010), <i>Văn hóa du lịch</i>, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b> [1] Trần Thuý Anh (2000), <i>Thế ứng xử xã hội cổ truyền của người Việt Bắc Bộ</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội. [2]. Dương Văn Sáu (2017), <i>Văn hóa du lịch</i>, Nxb. Lao động, Hà Nội.</p>
b.	121045	Phong tục tập quán Việt Nam	2	<p>-<i>Nội dung học phần:</i> cung cấp các kiến thức cơ bản về phong tục tập quán Việt Nam. Cung cấp các kiến thức về các tín ngưỡng dân gian trong đời sống tâm linh của người Việt. Đồng thời tìm hiểu các lễ hội tiêu biểu nhằm tăng thêm sự hiểu biết về một nền văn hóa đa dạng đậm đà bản sắc của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> hiểu</p>	<p><b>Tài liệu bắt buộc</b> [1]. Phan Kế Bính (2005), <i>Việt Nam phong tục</i>, Nxb. Văn học, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu tham khảo</b> [1]. Đào Duy Anh (2006), <i>Việt Nam văn hoá sử cương</i>, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội. [2].Nhất Thanh (2001), <i>Đất lề quê</i></p>



				<p>được các phong tục tập quán tiêu biểu của người Việt và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Từ đó có sự áp dụng vào cuộc sống, phân biệt được đâu là những thuần phong mỹ tục cần được bảo lưu, và đâu là những hủ tục cần phải loại bỏ trong cuộc sống.</p>	<p><i>thời (Phong tục Việt Nam)</i>, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p> <p>[3]. Đặng Văn Lung, Nguyễn Sông Thao, Hoàng Văn Thụ (2000), <i>Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam</i>, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.</p>
c	12706	Quản lý di sản văn hóa	3	<p><i>Nội dung học phần:</i>  Học phần cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý di sản văn hóa như các khái niệm; các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các văn bản mang tính pháp lý từ địa phương đến trung ương để khai thác cũng như quản lý các di sản văn hoá. Phát huy một cách linh hoạt các cách quản lý di sản văn hóa trong thời đại công nghệ thông tin, vừa giúp cho quản lý tốt hơn vừa giúp các tầng lớp nhân dân nói chung và cán bộ văn hóa nói riêng tiếp cận một cách dễ dàng hơn.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i>  Sinh viên nắm được toàn bộ các văn bản mang tính pháp lý từ địa phương đến trung ương về quản lý di sản văn hóa.</p>	<p><b><i>Giáo trình chính</i></b></p> <p>1. Nguyễn Thịnh (2013), <i>Di sản văn hóa Việt Nam – Bản sắc và những vấn đề quản lý, bảo tồn</i>, Nxb Xây dựng.</p> <p><b><i>Tài liệu tham khảo</i></b></p> <p>1. <i>Luật di sản văn hóa</i>, được sửa đổi bổ sung năm 2009 (2013), Nxb Lao động.</p> <p>2. Nguyễn Thị Phương, <i>Di sản văn hóa dân tộc Việt Nam</i>, Nxb Văn hóa - Dân tộc.</p>

### 3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

#### Kỳ 1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bộ môn QL HP
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	LL Mác-Lênin
2	181145	Tâm lý học đại cương	2	Tâm lý
3	133031	Tiếng Anh 1	4	NN KC
4	173080	Tin học	2	Tin UD
5	117025	Môi trường và con người	2	Sinh học
6	191004	<b>Giáo dục thể chất 1 (HP bắt buộc)</b>	2	LLPPDH GDTC
7	124030	Cơ sở khảo cổ học	2	Lịch sử

#### Kỳ2

1	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lenin	2	LL Mác-Lênin
2	122005	Các vấn đề xã hội đương đại	2	XHH
3	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>		2	
3.1	127045	Văn hóa phương Đông	2	VNH-DL
3.2	124090	Dân tộc học đại cương	2	VNH-DL
3.3	128011	Kiến thức địa phương Thanh Hóa	2	Lịch sử
4	133032	Tiếng Anh 2	3	NN KC
5	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	VNH-DL
6	123240	Xã hội học đại cương	2	XHH
7	122005	Các vấn đề xã hội đương đại	2	XHH
8	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	Lịch sử
8	<b>Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1/5 HP)</b>		2	
8.1	191031	Bóng chuyền	2	Điền kinh
8.2	191032	Thể dục Aerobic	2	Điền kinh
8.3	191033	Bóng đá	2	Bóng
8.4	191034	Bóng rổ	2	Bóng
8.5	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2	Bóng

Kỳ 3

1	197035	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LL Mác - Lênin
2	197030	Pháp luật đại cương	2	Luật
3	124255	PPnghiên cứu khoa học	2	Lịch sử
4	133033	Tiếng Anh 3	3	NN KC
5	124051	Lịch sử Việt Nam	2	Lịch sử
6	121041	Hán Nôm	2	VHVN
7	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2	
7.1	124330	Tổng quan di sản thế giới	3	VNH-DL
7.2	127021	Văn hóa Đông Nam Á	3	VNH-DL

Kỳ 4

1	198025	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	LSD -TT HCM
2	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LSD -TT HCM
3	124050	Các dân tộc Việt Nam	3	VNH-DL
4	123015	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	Ngữ văn
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2	
5.1	127045	Địa lý Việt Nam	2	Địa lý
5.2	125146	Phân vùng văn hóa VN	2	VNH-DL
6	125116	Nhập môn VN học & khu vực học	2	VNH-DL
7	125141	Thực tế văn hóa miền Bắc	2	VNH-DL

Kỳ 5

1	125085	Kinh tế và phát triển	2	Địa lý
2	124096	Hệ thống di tích-danh thắng VN	3	VNH-DL
3	124052	Thể chế chính trị VN hiện đại	2	VNH-DL
4	124295	Thể chế chính trị thế giới hiện đại	2	VNH-DL
4	125120	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	VNH-DL
5	125129	Văn hóa làng xã Việt Nam	3	VNH-DL
6	121090	Văn học dân gian Việt Nam	2	VHVN
7	125131	Làng nghề truyền thống Việt Nam	2	VNH-DL

Kỳ 6

1	125122	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	VNH-DL
2	125123	Nghiệp vụ du lịch	3	VNH-DL
3	125131	Làng nghề truyền thống Việt Nam	2	VNH-DL
4	121050	Tiến trình văn học Việt Nam	2	Ngữ văn
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2	
5.1	127046	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	VNH-DL
5.2	127053	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	2	VNH-DL
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2	
6.1	125136	Văn hóa giao tiếp	2	VNH-DL
6.2	125137	Lễ tân ngoại giao	2	VNH-DL
7	125142	Thực tế văn hóa miền Trung	2	VNH-DL

Kỳ7

1	127009	Phát triển du lịch bền vững	3	VNH-DL
2	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3	
2.1	123058	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	3	VNH-DL
2.2	129097	Phương ngữ học	3	VNH-DL
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3	
3.1	127054	Du lịch văn hóa	3	VNH-DL
3.2	125077	Du lịch cộng đồng	3	VNH-DL
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2	
4.1	125138	Tổ chức sự kiện	2	VNH-DL
4.2	125139	Quảng cáo truyền thông	2	VNH-DL
5	124226	Tín ngưỡng, tôn giáo & lễ hội truyền thống ở VN	3	VNH-DL

Kỳ8

50	123190	Thực tập nghề nghiệp cuối khóa	5	VNH-DL
51-52	<b>Khoá luận TN/ học phần thay thế</b>		6	
b	121045	Phong tục, tập quán Việt Nam	3	VNH-DL
c	127072	Văn hóa du lịch	3	VNH-DL

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

(Ghi chú: 0 = không đóng góp, 1 = đóng góp mức thấp, 2 = đóng góp mức trung bình, 3 = đóng góp mức cao)

Tên HP	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
Triết học Mác-Lênin	2												2
Kinh tế chính trị Mác-LN	2												2
Chủ nghĩa XH khoa học	2												2
Lịch sử Đảng CS VN	2												2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3												2
Pháp luật đại cương	2												2
Phương pháp NCKH				2	2			2					
Tâm lí học đại cương				2					2				
Các vấn đề xã hội đương đại				2									1
Tiếng Việt thực hành								2					
Văn hóa phương Đông					2								
Dân tộc học đại cương					2	2							
Kiến thức				2	2	2							

địa phương (tỉnh Thanh Hóa)													
Tiếng Anh 1	2						1						
Tiếng Anh 2	2						1						
Tiếng Anh 3	2						1						
Tin học		2						2					
Môi trường và con người			2						2				
Cơ sở văn hóa Việt Nam			3	2									2
Xã hội học đại cương			2	2									
Cơ sở khảo cổ học				2									
Lịch sử văn minh thế giới				2						1			
Lịch sử Việt Nam				2						1			
Hán Nôm							2						
Các dân tộc Việt Nam					2					2			
Dẫn luận ngôn ngữ học			2				2						
Kinh tế và phát triển			2										
Địa lý Việt Nam			2		2								
Phân vùng văn hóa Việt Nam			2		2								
Hệ thống			2	2	2								

di tích – danh thắng													
Nhập môn Việt Nam học và Khu vực học			2		2								
Văn hóa làng xã Việt Nam			2	2	2								
Làng nghề truyền thống Việt Nam			2	2	2								
Tiến trình văn học Việt Nam							2						
Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam				2	2								
Thế chế chính trị Việt Nam hiện đại			2										2
Thế chế chính trị thế giới hiện đại			2										2
Phát triển du lịch bền vững			2		2								
Tổng quan di sản thế giới			2	2									
Văn hóa Đông Nam Á			2				2						
Văn học							2						

dân gian Việt Nam													
Lịch sử văn học Việt Nam							2						
Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam			2		2								
Phương ngữ học			2		2								
Tiếng anh chuyên ngành 1		3											1
Tiếng anh chuyên ngành 2		3											1
Thực tế văn hóa miền Bắc			2	2									
Thực tế văn hóa miền Trung			2	2									
Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch									3				2
Văn hóa ẩm thực Việt Nam				2	2					2			
Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn uống										3			
Du lịch văn hóa			2		2					3			
Du lịch cộng đồng				2					2				
Giảng dạy tiếng Việt cho người							3						2



nước ngoài													
Văn hóa giao tiếp				2					3				
Lễ tân ngoại giao				2					3				
Tổ chức sự kiện										3			2
Quảng cáo truyền thông											3		2
Nghiệp vụ biên tập báo chí, xuất bản								2					2
Thực tập tốt nghiệp									2	2	2	2	
Văn hóa du lịch				2	2	2							2
Phong tục, tập quán Việt Nam				2	2	2							2
Quản lý di sản văn hóa				2	2		2						2

Ghi chú: Các mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 (I) - Đóng góp thấp; 2 (R) - Đóng góp trung bình; 3 (M) - Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 8 năm 2021

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT



PGS.TS. Lê Hoàng Bá Huyền

PGS.TS. Mai Văn Tùng